

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2
KHUNG THAM CHIỀU CHÂU ÂU**

Kỳ thi ngày 25 tháng 8 năm 2018, cấp ngày 04 tháng 9 năm 2018

(Ban hành kèm theo quyết định số 1531/QĐ-ĐHNLBG-HĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ	Ghi chú
									NGH E	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM			
1	TA01	Đinh Văn Tuấn Anh	01	16/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0059	18	56	4	78	A2	A0083	
2	TA04	Nguyễn Hữu Chung	01	15/10/1998	Sơn La	Nam	D-THUY6A	16DTY0397	23	40	11	74	A2	A0084	
3	TA05	Lê Ngọc Đức	01	05/3/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0066	23	54	6	83	A2	A0085	
4	TA06	Dương Quang Hải	01	01/5/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0283	14	45	11	70	A2	A0086	
5	TA07	Trần Văn Hiến	01	08/11/1992	Thanh Hóa	Nam	D-CHANNUOI4A	14DCN0070	19	45	10	74	A2	A0087	
6	TA08	Trịnh Thị Huệ	01	07/12/1997	Thanh Hóa	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0285	16	55	14	85	A2	A0088	
7	TA09	Phạm Văn Khá	01	02/5/1989	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0077	23	53	8	84	A2	A0089	
8	TA10	Phạm Văn Minh	01	29/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0301	18	43	12	73	A2	A0090	
9	TA11	Phạm Công Quang	01	17/02/1998	Hải Dương	Nam	D-THUY6B	16DTY0494	20	42	11	73	A2	A0091	
10	TA12	Nguyễn Công Quân	01	06/01/1997	Thanh Hóa	Nam	D-THUY5B	15DTY0364	20	51	11	82	A2	A0092	
11	TA13	Phạm Ngọc Quân	01	11/11/1993	Hà Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0306	17	50	15	82	A2	A0093	
12	TA15	Nguyễn Kim San	01	04/11/1991	Bắc Ninh	Nam	D-THUY4A	14DTY0166	23	51	9	83	A2	A0094	
13	TA16	Dương Ngọc Sinh	02	05/4/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0432	21	49	13	83	A2	A0095	
14	TA17	Lưu Văn Sơn	02	24/01/1995	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY6A	15DQLTN0330	18	48	11	77	A2	A0096	
15	TA18	Phan Thị Thoan	02	12/10/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0311	18	53	14	85	A2	A0097	
16	TA19	Vũ Thị Thu	02	22/8/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0312	20	50	13	83	A2	A0098	
17	TA20	Đinh Văn Tiến	02	16/02/1991	Hà Nội	Nam	C-THUY16A	15CTY0051	22	40	8	70	A2	A0099	
18	TA21	Thân Quang Toán	02	13/4/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5B	15DTY0374	16	45	11	72	A2	A0100	

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ	Ghi chú
									NGH E	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM			
19	TA22	Phạm Thị Kiều Trinh	02	26/6/1999	Nam Định	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0338	11	47	14	72	A2	A0101	
20	TA23	Hoàng Đình Trọng	02	09/3/1995	Lạng Sơn	Nam	C-THUY17A	16CTY0093	18	43	9	70	A2	A0102	
21	TA24	Phạm Đức Trung	02	02/12/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6C	16DTY0444	19	43	11	73	A2	A0103	
22	TA25	Lê Văn Tuấn	02	21/01/1997	Bắc Giang	Nam	C-THUY17A	16CTY0095	17	42	11	70	A2	A0104	
23	TA26	Phạm Lâm Tùng	02	29/4/1995	Bắc Giang	Nam	D-CHANNUI4A	14DCN0090	17	41	12	70	A2	A0105	
24	TA27	Lê Đình Việt	02	03/01/1997	Bắc Ninh	Nam	C-THUY17A	16CTY0097	18	43	9	70	A2	A0106	
25	TA28	Hà Văn Vĩnh	02	25/12/1998	Thái Nguyên	Nam	C-THUY17A	16CTY0098	19	43	8	70	A2	A0107	
26	TA29	Dương Văn Vũ	02	24/3/1997	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0324	19	40	11	70	A2	A0108	
27	TA30	Nguyễn Kim Vương	02	06/9/1996	Bắc Ninh	Nam	D-THUY4A	14DTY0173	17	45	8	70	A2	A0109	

Số thí sinh theo danh sách: 27

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

ThS. Phan Văn Cường

Bắc Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng thi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Đoàn Văn Soạn